

KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.754,8	256,0	126,4
1 ngày (%)	0,0	-0,1	0,7
1 tháng (%)	-6,1	3,6	3,8
Từ 2026	-1,7	2,9	4,5
1 Năm (%)	37,6	11,6	30,0
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	315	16	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	0,0	2,4	0,9
Số mã tăng	106	56	153
Số mã giảm	185	99	141
Số mã tham chiếu	104	143	476

Nguồn: Bloomberg

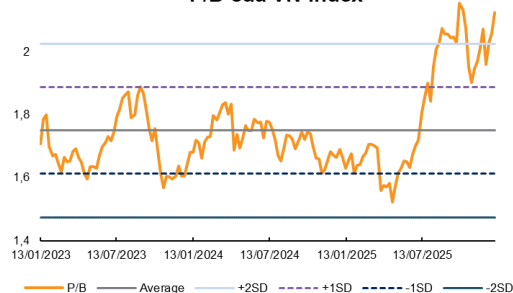
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

VN-Index phân hóa, thanh khoản sụt giảm mạnh chờ tín hiệu mới

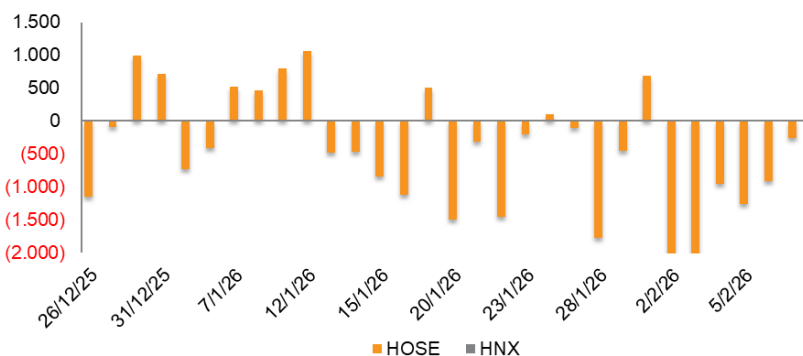
Phiên giao dịch ngày 09/02 ghi nhận trạng thái giằng co với sắc đỏ nhẹ bao phủ chỉ số chung, tuy nhiên áp lực bán đã có dấu hiệu chững lại đáng kể. Kết thúc phiên giao dịch, chỉ số VN-Index đóng cửa tại mức 1.754,82 điểm, giảm nhẹ -0,67 điểm (-0,04%) so với phiên trước. Độ rộng thị trường cho thấy sự phân hóa với 151 cổ phiếu tăng và 175 cổ phiếu giảm điểm, phản ánh tâm lý thận trọng bao trùm khi nhà đầu tư đang ở trạng thái quan sát sau các nhịp biến động mạnh.

Chỉ số VN30 tích cực hơn so với thị trường chung khi đóng cửa tại 1.947,75 điểm, tăng +4,15 điểm (+0,21%). Trong rổ VN30, sự phân hóa diễn ra mạnh mẽ với 12 mã tăng và 14 mã giảm điểm, cho thấy lực đỡ thị trường chủ yếu đến từ các cổ phiếu trụ cột. Xét về dòng tiền, áp lực điều chỉnh tập trung ở các ngành Viễn thông (-1,58%), Bảo hiểm (-0,97%), Ngân hàng (-0,34%) và Dịch vụ tài chính (-0,1%). Ngược lại, sắc xanh lan tỏa tích cực tại các nhóm ngành dẫn dắt như Công nghệ (+1,26%), Dịch vụ bán lẻ (+1,24%), Dầu khí (+1,05%) và Xây dựng & Vật liệu (+0,61%).

Thanh khoản giao dịch khớp lệnh sàn HOSE ngày 09/02 sụt giảm về mức 15.145 tỷ đồng, giảm 52,45% so với phiên trước đó và thấp hơn nhiều so với mức trung bình của 20 phiên gần nhất. Sự sụt giảm mạnh của thanh khoản trong một phiên biến động hẹp cho thấy trạng thái "tiết cung" từ bên bán và sự quan sát thận trọng từ bên mua, dòng tiền chưa sẵn sàng kích hoạt các vị thế lớn. Trong bối cảnh VN-Index đang nỗ lực tìm điểm cân bằng, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư duy trì kỷ luật trong quản trị danh mục: Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao. (1) Nên tận dụng các nhịp phục hồi kỹ thuật để cơ cấu lại danh mục. (2) Ưu tiên nắm giữ các mã thuộc nhóm ngành đang thu hút dòng tiền mạnh. Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao: (1) Có thể bắt đầu giải ngân thăm dò đối với các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, lợi nhuận tăng trưởng đột biến và đã có nhịp chiết khấu đủ sâu. (2) Việc giải ngân nên ưu tiên các cổ phiếu có thanh khoản tốt và sức mạnh giá ổn định hơn thị trường chung, đồng thời chia nhỏ tỷ trọng để quản trị rủi ro tỷ giá và biến động địa chính trị toàn cầu.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,8	150,5	3,8	0,9	-0,6	-1,7	31,8	-37,4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	8,0	24,1	5,8	0,2	-0,1	-1,3	14,9	-23,2
Năng lượng	2,8	45,3	2,3	0,7	25,4	50,7	68,9	-68,4
Tài chính	40,1	12,2	1,9	-0,3	-1,2	5,7	27,6	-53,9
Chăm sóc sức khỏe	0,5	39,0	2,8	0,2	4,2	4,4	12,6	45,3
Công nghiệp	7,4	32,2	4,7	-0,9	-5,0	-6,0	50,6	-11,0
Công nghệ thông tin	2,3	19,3	4,4	1,1	3,0	5,2	-18,0	-50,0
Vật liệu xây dựng	6,6	19,0	2,0	0,0	8,8	16,4	18,4	-41,3
Bất động sản	22,1	52,5	4,6	0,1	-22,2	-18,8	349,7	-49,7
Dịch vụ tiện ích	5,2	20,2	3,3	0,5	12,8	41,5	55,4	488,4

Mua/(bán) ròng khỏi ngoại (tỷ VND)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Mỹ: Fed giữ lập trường “data-dependent”, chưa vội cắt lãi suất khi lạm phát vẫn quanh ~2,7% YoY và thị trường lao động chưa suy yếu rõ rệt, do đó lãi suất tiếp tục được giữ ở 3,50%–3,75% trong ngắn hạn.
- Trung Quốc: Tiếp tục triển khai “No.1 Document” – văn kiện chính sách đầu năm, nhấn mạnh an ninh lương thực, phát triển nông nghiệp công nghệ cao và tự chủ đầu vào. Động thái này nhằm giảm rủi ro địa chính trị và thương mại, đồng thời củng cố tính bền vững của chuỗi cung ứng thiết yếu trong trung và dài hạn.

Tin vĩ mô trong nước

- Trong bối cảnh USD toàn cầu biến động, Việt Nam tiếp tục điều hành tỷ giá linh hoạt, giữ VND/USD biến động trong biên độ hẹp nhờ dự trữ ngoại hối cải thiện và dòng vốn FDI giải ngân ổn định.
- Các nhà phân tích nhận định Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ theo hướng hỗ trợ tăng trưởng, khi lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát với CPI khoảng 2,5% YoY.

Tin ngành và doanh nghiệp

- **VGC – Viglacera sắp khởi công khu công nghiệp gần 2.600 tỷ đồng trong quý II/2026:** Tổng Công ty Viglacera - CTCP (HOSE: VGC) cho biết dự kiến khởi công một khu công nghiệp mới trong quý II/2026, với tổng mức đầu tư khoảng gần 2.600 tỷ đồng theo kế hoạch đã được công bố. Dự án khu công nghiệp này nằm trong chiến lược mở rộng quỹ đất và gia tăng năng lực khai thác hạ tầng công nghiệp của Viglacera, trong bối cảnh nhu cầu thuê đất khu công nghiệp tiếp tục duy trì ở mức cao nhờ dòng vốn FDI và xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng vào Việt Nam. Việc đầu tư được triển khai theo lộ trình, tập trung xây dựng hạ tầng kỹ thuật đồng bộ để sẵn sàng thu hút nhà đầu tư ngay sau khi hoàn thành các thủ tục cần thiết.
- **LDG – Lãi trở lại năm 2025 nhưng vẫn gánh lỗ lũy kế hơn 1.200 tỷ đồng:** Công ty Cổ phần Đầu tư LDG (HOSE: LDG) vừa công bố báo cáo tài chính quý IV/2025 và cả năm 2025 với điểm nhấn là kết quả kinh doanh đảo chiều tích cực sau giai đoạn thua lỗ sâu. Riêng quý IV/2025, LDG ghi nhận doanh thu thuần đạt 200,8 tỷ đồng, tăng gần như toàn bộ so với cùng kỳ năm trước, trong khi giá vốn giảm mạnh xuống còn 66,6 tỷ đồng, giúp lợi nhuận gộp đạt 134,1 tỷ đồng. Nhờ chi phí tài chính giảm 76,9% và chi phí bán hàng – quản lý doanh nghiệp giảm tới 97%, công ty báo lãi sau thuế quý IV đạt 120,5 tỷ đồng, trái ngược hoàn toàn với khoản lỗ hơn 1.032 tỷ đồng cùng kỳ năm 2024.
- **VHM – Vinhomes sắp khởi công siêu dự án 59.000 tỷ đồng tại TP.HCM sau Tết:** Khu đô thị Đại học Quốc tế Berjaya có tổng vốn đầu tư gần 59.000 tỷ đồng, quy mô khoảng 880 ha, nằm tại xã Xuân Thới Sơn (Tây Bắc TP.HCM), tiếp giáp Quốc lộ 22 và Vành đai 3, cách trung tâm thành phố khoảng 20 km. Dự án chỉ thực sự được “kích hoạt” trở lại sau khi Vinhomes xác lập quyền chi phối tại CTCP Đô thị Đại học Quốc tế Berjaya Việt Nam, qua đó tháo gỡ nút thắt pháp lý và mở đường triển khai trên thực địa. Theo quy hoạch, khu đô thị sẽ phát triển 552 căn biệt thự, 2.491 căn nhà liền kề, 815 căn tái định cư, các khối chung cư cao 12–22 tầng và nhà ở xã hội cao 3–10 tầng, với quy mô dân số khoảng 135.000 người, trong đó có khoảng 60.000 sinh viên, giảng viên và cán bộ. Về pháp lý, TP.HCM đã phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tỷ lệ 1/2.000 cho dự án; trước đó, Thủ tướng Chính phủ đã chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư vào đầu năm 2025 với diện tích khoảng 880 ha.

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Chỉ số đô la giảm xuống dưới 97,5 vào thứ Hai, giảm phiên thứ hai liên tiếp khi các nhà giao dịch thận trọng chờ đợi dữ liệu kinh tế quan trọng bị trì hoãn do chính phủ đóng cửa một phần. Thị trường sẽ nhận được báo cáo việc làm tháng 1 vào thứ Tư, với các chỉ số gần đây cho thấy thị trường lao động đang chậm lại, cùng với dữ liệu doanh số bán lẻ tháng 12.
- Lãi suất liên ngân hàng tiếp tục duy trì quanh vùng 9% - 10% phản ánh tình hình căng thẳng hệ thống vẫn chưa hạ nhiệt.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,72	1,3	5,1	14,3	58,2
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	9,74	0,9	166,8	490,3	73,9
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	9,10	22,5	51,2	10,3	76,7
USD/VND	25.921	0,2	1,3	1,5	-2,1
DXY	97,35	-0,3	-1,8	-1,0	-9,9
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,22	0,4	1,4	1,4	-6,0
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,58	0,2	-0,2	1,1	-17,0

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	5.009,00	1,2	11,3	15,4	74,7
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	62,78	-1,2	6,2	9,3	-11,6
Dầu Brent (USD/b) 1 thán	67,26	-1,2	6,2	10,5	-9,9
Thép (USD/tấn)	465,4	-0,2	-1,0	-0,9	-7,7
Thịt heo (USD/kg)	1,7	-1,8	-4,6	-4,7	-17,7
Gạo (USD/tấn)	508,3	-0,2	12,3	16,8	-18,3
Phân urea (USD/tấn)	425,0	3,7	19,7	24,1	17,2

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Ba 10/02/2026	Mỹ	Doanh số bán lẻ tháng 12.2025
Thứ Tư 11/02/2026	Mỹ	Số liệu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp tháng 1.2026
	Trung Quốc	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 1.2026
Thứ Sáu 13/02/2026	Mỹ	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 1.2026

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	7.463	4,6	3.502	54.000	73.300	36,8%	1,0%	17,8	2,8	17%
AST	124	0,0	5	71.500	85.400	22,9%	3,5%	14,2	5,0	38%
HVN	3.133	1,6	667	26.100	43.400	68,7%	2,4%	10,2	13,5	
VJC	3.448	13,9	807	165.000	113.600	-30,5%	0,6%	43,8	3,9	10%
Bán lẻ										
BAF	441	4,0	201	37.600	37.200	-1,1%		69,7	2,8	3%
DGW	445	4,5	118	52.200	49.600	-4,0%	1,0%	20,9	3,4	17%
FRT	1.077	3,4	178	164.000	150.300	-8,1%	0,2%	35,1	5,4	26%
MCH	7.619	2,8	2.656	152.300	147.000	-2,1%	1,3%	29,6	10,9	46%
MWG	5.093	22,3	89	89.300	96.300	9,0%	1,1%	18,7	4,0	23%
PNJ	1.486	5,2	11	112.900	109.900	-1,8%	0,9%	14,0	2,9	23%
QNS	696	0,2	283	49.100	53.400	10,8%	2,0%	8,0	1,4	18%
SAB	2.447	3,5	1.019	49.450	59.900	25,2%	4,0%	14,8	3,0	20%
VHC	520	2,9	409	60.000	71.300	22,2%	3,3%	9,9	1,4	15%
VNM	5.612	16,7	2.790	69.600	74.800	11,6%	4,1%	17,3	4,7	27%
Tài chính										
ACB	4.548	10,6	102	22.950	31.300	40,2%	3,8%	7,5	1,2	18%
BID	13.706	12,1	1.737	50.600	47.200	-5,8%	0,9%	11,9	2,1	19%
CTG	11.117	21,0	504	37.100	49.000	32,9%	0,8%	8,3	1,6	21%
HDB	5.175	20,6	212	26.800	39.500	49,8%	2,4%	7,5	1,8	25%
LPB	4.823	3,2	205	41.850	33.400	-14,2%	6,0%	10,9	2,6	25%
MBB	8.577	26,3	83	27.600	32.900	21,0%	1,8%	8,3	1,6	22%
STB	4.386	25,7	679	60.300	45.700	-23,2%	1,0%	19,1	1,9	10%
TCB	9.500	15,8	1	34.750	40.300	18,8%	2,9%	9,7	1,4	16%
TPB	1.798	6,0	93	16.800	17.800	11,6%	5,7%	6,3	1,1	18%
VCB	20.953	20,5	1.876	65.000	69.300	7,3%	0,7%	15,4	2,4	17%
VIB	2.193	4,1	4	16.700	23.600	45,0%	3,7%	7,8	1,2	16%
VPB	8.188	21,7	418	26.750	37.100	40,6%	1,9%	8,8	1,3	15%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Dệt may										
MSH	158	0,9	68	36.500	40.600	22,2%	11,0%	6,5	2,1	34%
TCM	115	1,5	2	26.500	29.800	14,3%	1,9%	12,3	1,2	10%
Khu công nghiệp										
BCM	2.559	2,4	833	64.100	68.600	8,7%	1,7%	19,2	2,9	16%
GMD	1.173	3,7	121	71.300	72.000	3,8%	2,8%	19,5	2,3	12%
HAH	369	4,3	84	56.600	55.400	-0,8%	1,4%	8,2	2,1	29%
VSC	323	7,2	149	22.350	19.100	-12,3%	2,2%	24,5	1,5	7%
IDC	673	5,1	237	46.000	45.600	2,4%	3,3%	9,0	2,7	32%
KBC	1.253	6,3	474	34.500	30.000	-12,0%	1,1%	14,0	1,3	10%
PHR	306	1,5	109	58.500	68.400	19,2%	2,3%	11,8	2,0	17%
VTP	508	3,3	220	108.100	129.200	20,5%	1,0%	44,6	7,5	18%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	985	13,5	428	67.200	128.300	95,4%	4,5%	9,0	1,7	20%
HPG	7.921	36,3	2.227	26.750	30.000	13,2%	1,1%	13,3	1,6	13%
Dầu khí										
BSR	4.762	11,8	2.256	24.650	16.700	-30,5%	1,8%	59,6	2,1	4%
GAS	10.770	8,9	5.024	115.700	78.400	-30,5%	1,8%	24,5	4,2	18%
OIL	670	2,3	40	16.800	14.800	-10,4%	1,5%	53,2	1,7	3%
PLX	2.809	10,2	127	57.300	47.700	-14,7%	2,1%	30,5	2,8	10%
PVD	729	10,3	268	34.000	32.600	3,2%	7,4%	20,9	1,1	6%
PVS	906	11,0	301	45.900	41.800	-7,5%	1,4%	12,9	1,6	13%
PVT	379	3,6	144	20.900	23.400	13,0%	1,1%	9,4	1,1	13%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	665	4,1	303	25.350	22.700	-7,0%	3,4%	22,3	1,5	7%
DCM	815	3,6	364	39.900	40.000	5,3%	5,0%	12,8	2,0	16%
DDV	166	1,3	77	29.400	39.700	38,1%	3,1%	25,5	2,4	10%
PLC	102	0,7	49	32.800	34.100	5,5%	1,5%	195,2	2,0	9%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Điện										
POW	1.592	6,8	718	13.450	14.400	8,3%	1,2%	16,3	1,1	7%
Điện và BĐS										
HDG	374	2,6	115	26.200	37.400	44,3%	1,6%	13,7	1,4	11%
PC1	397	4,0	140	25.000	26.500			11,1	1,6	15%
REE	1.283	1,2	0	61.400	76.600	26,4%	1,6%	13,2	1,6	13%
Bất động sản										
DXG	644	8,5	180	15.000	18.300	35,3%	13,3%	65,0	1,2	2%
KDH	1.149	6,5	264	26.550	41.800	58,6%	1,1%	30,3	1,6	5%
NLG	513	2,9	39	27.400	42.200	55,7%	1,7%	18,7	1,0	6%
VHM	15.054	30,3	6.295	95.000	93.600			9,5	1,7	19%
VRE	2.472	12,9	910	28.200	32.000	17,2%	3,7%	9,9	1,3	14%
Công nghệ										
FPT	6.506	29,4	611	99.000	118.200	20,4%	1,0%	18,0	4,6	28%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA